

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index tăng gần 28 điểm trong ngày hôm nay và đóng cửa tại mốc 1,816.27 điểm, chính thức vượt đỉnh cũ. Độ rộng thị trường khá cân bằng với 15/18 ngành tăng điểm, cho thấy dòng tiền có xu hướng tập trung vào một số mã cụ thể trong từng ngành. Ngành Bảo hiểm dẫn đầu đà tăng, theo sau là ngành Dầu khí. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên cả ba sàn HSX, HNX và UPCOM, đặc biệt bán ròng hơn 400 tỷ đồng trên sàn HSX. Nhóm cổ phiếu Vin (VHM) tiếp tục dẫn dắt thị trường. Trong những phiên tới, thị trường cần dòng tiền ủng hộ mạnh mẽ hơn để chinh phục những đỉnh cao mới.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 06/01/2026, các chứng quyền biến động theo đà tăng của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **+27.87** điểm, đóng cửa tại **1816.27** điểm. HNX-Index **-0.22** điểm, đóng cửa tại **246.52** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VHM (+8.65)**, **GAS (+2.98)**, **MBB (+2.36)**, **VPB (+1.67)**, **GVR (+1.65)**.
- Kéo chỉ số giảm: **STB (-0.47)**, **FPT (-0.36)**, **MCH (-0.27)**, **HAV (-0.20)**, **DGC (-0.20)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **24,907** tỷ đồng, tăng **2.60%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 27,498 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 26.62 điểm. Thị trường có **167** mã tăng, 52 mã tham chiếu, **153** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-415.74** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **VIC (-425.59 tỷ)**, **VHM (-296.66 tỷ)**, **DXS (-208.20 tỷ)**, **TCB (-102.05 tỷ)**, **FPT (-97.18 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-94.29** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **+0.96%**. Các mã diễn biến tích cực:
VHM (+6.94%) [\(Link báo cáo\)](#)
MBB (+5.13%) [\(Link báo cáo\)](#)
VPB (+3.41%) [\(Link báo cáo\)](#)
- BSC50 **+1.13%**. Các mã diễn biến tích cực:
GVR (+6.99%)
PC1 (+6.99%) [\(Link báo cáo\)](#)
BVH (+6.98%)

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	0.96%	1.13%	1.56%	1.34%
1 tuần	0.06%	-1.41%	2.79%	2.30%
1 tháng	-0.08%	-4.57%	4.30%	4.07%
3 tháng	-1.25%	-7.87%	6.98%	6.92%

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,816.27	246.52	120.14
% 1D	1.56%	-0.09%	-0.39%
GTKL (tỷ VND)	24,907	1,675	556
%1D	2.60%	2.08%	2.59%
GDNN (tỷ VND)	-415.74	-94.29	-37.95

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
MBB	307.30	VIC	-425.59
VPB	165.69	VHM	-296.66
GEX	100.74	DXS	-208.20
VRE	96.70	TCB	-102.05
VIX	87.70	FPT	-97.18

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Thị trường thế giới

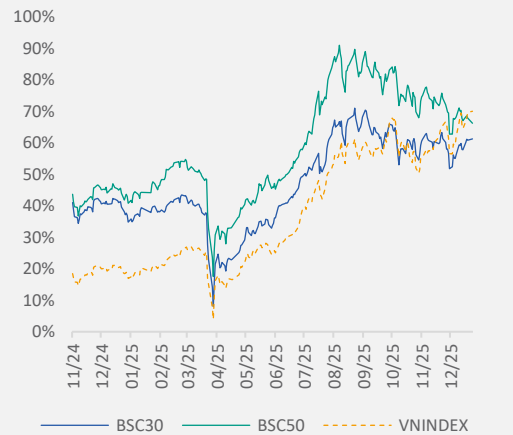
		%D	%W
SPX	6,902	0.64%	-0.40%
FTSE100	10,064	0.59%	2.00%
Eurostoxx	5,912	0.13%	2.84%
Shanghai	4,084	1.50%	3.03%
Nikkei	52,518	1.32%	4.18%

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	61.54	-0.36%
Giá vàng	4,466	2.94%
Tỷ giá		
USD/VND	26,378	-0.01%
EUR/VND	31,571	0.03%
JPY/VND	172	0.58%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	4.2%	
LS LNH 1M	7.5%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC

Mục lục

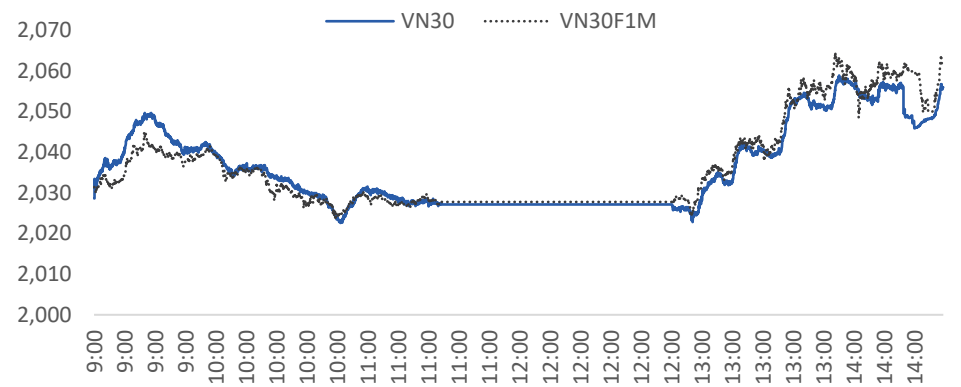
Tổng quan thị trường	Trang 1
Thống kê phái sinh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7

Mở tài khoản tại BSC

Trang | 1

THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

VN30-Index vs VN30F1M Intraday



Nguồn: BSC tổng hợp

HĐTL	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
41I1G1000	2062.00	1.87%	290,912	26.7%	15/01/2026	9
41I1G6000	2050.00	1.96%	88	-2.2%	18/06/2026	163
41I1G1000	2062.00	1.87%	290,912	26.7%	15/01/2026	9
41I1G3000	2054.50	2.00%	77	0.00%	19/03/2026	72

Nguồn: BSC

Nhận định

- VN30 +27.28 điểm, đóng cửa tại 2055.96 điểm. Biên độ dao động 36.30 điểm. Các cổ phiếu như VHM, MBB, VRE, VPB, TCB tác động tích cực đến nhịp vận động của VN30.
- VN30 bật tăng cuối phiên với thanh khoản nằm trên đường MA20. Chiến lược là long/short linh hoạt với phái sinh. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong phiên.
- Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30. Xét về khối lượng, các HĐTL đều tăng, ngoại trừ 41I1G6000, 41I1G3000.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CSSB2504	23/02/2026	48	17,200	42.45%	23.12	380	216.7%	0.00	24.64	17.30	17.30
CHPG2534	25/06/2026	170	299,200	26.36%	31.11	420	90.9%	0.24	32.79	25.95	25.95
CVPB2529	9/02/2026	34	37,600	32.03%	37.80	290	45.0%	0.01	38.09	28.85	28.85
CTCB2516	25/03/2026	78	7,500	28.40%	45.20	210	40.0%	0.04	46.22	36.00	36.00
CVHM2521	25/05/2026	139	194,100	144.87%	115.68	4,150	38.3%	0.00	148.88	60.80	60.80
CVRE2527	26/05/2026	140	162,300	3.97%	35.60	1,980	37.5%	2.58	39.56	38.05	38.05
CVRE2525	16/10/2026	283	157,600	44.76%	48.00	1,770	35.1%	0.60	55.08	38.05	38.05
CVHM2525	26/05/2026	140	109,500	1.31%	107.00	6,110	33.4%	6.28	143.66	141.80	141.80
CMBB2519	9/03/2026	62	606,000	8.22%	26.60	1,120	33.3%	0.75	28.84	26.65	26.65
CSTB2534	9/02/2026	34	800	27.58%	71.70	320	33.3%	0.04	72.34	56.70	56.70
CVRE2518	4/05/2026	118	90,400	2.39%	29.00	2,490	32.4%	2.45	38.96	38.05	38.05
CVRE2520	23/06/2026	168	300	8.80%	32.70	2,900	31.8%	2.46	41.40	38.05	38.05
CSTB2523	4/05/2026	118	107,000	12.85%	56.87	890	30.9%	0.66	63.99	56.70	56.70
CVRE2524	25/06/2026	170	533,500	10.09%	35.89	1,500	29.3%	1.35	41.89	38.05	38.05
CMBB2520	8/09/2026	245	27,000	25.25%	28.70	2,340	28.6%	1.12	33.38	26.65	26.65
CMBB2518	23/02/2026	48	2,576,300	-0.26%	21.75	3,220	26.3%	3.38	26.58	26.65	26.65
CVPB2530	11/05/2026	125	9,800	34.42%	37.80	980	24.1%	0.30	38.78	28.85	28.85
CVRE2526	18/01/2027	377	222,200	52.17%	49.50	2,100	23.5%	0.73	57.90	38.05	38.05
CMBB2515	23/03/2026	76	135,100	0.98%	20.25	2,960	23.3%	2.95	26.91	26.65	26.65
CTCB2519	9/03/2026	62	969,600	23.22%	43.30	530	23.3%	0.12	44.36	36.00	36.00

Nguồn: BSC

- Chú thích:**

Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%
- *

Đơn vị 1,000 VND
Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes
- Trong phiên giao dịch ngày 06/01/2026, các chứng quyền biến động theo đà tăng của cổ phiếu cơ sở.
 - CSSB2504 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 216.67%. CMBB2518 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 7.18%.
 - CVHM2521, CDGC2501, CFPT2503, CSSB2509, CVPB2524 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CVIC2509, CVIC2511, CVHM2510, CVHM2511, CVHM2512 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Nguyen Giang Anh
anhng@bsc.com.vn

Top CP tác động tích cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
VHM	141.80	6.94%	8.89
MBB	26.65	5.13%	3.94
VRE	38.05	6.88%	3.88
VPB	28.85	3.41%	3.35
TCB	36.00	3.00%	3.01

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

Top CP tác động tiêu cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
FPT	94.00	-1.05%	-2.31
STB	56.70	-2.07%	-1.51
DGC	63.00	-3.82%	-0.89
SAB	47.55	-1.14%	-0.12

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VHM	141.80	6.94%	8.65	4.11
GAS	82.80	6.98%	2.98	2.41
MBB	26.65	5.13%	2.36	8.05
VPB	28.85	3.41%	1.67	7.93
GVR	27.55	6.99%	1.65	4.00

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSV	119.40	9.94%	1.36	0.20
PVI	97.90	3.05%	0.40	0.23
MBS	25.70	2.39%	0.23	0.66
NVB	13.60	1.49%	0.22	1.92
KSF	67.30	0.45%	0.16	0.90

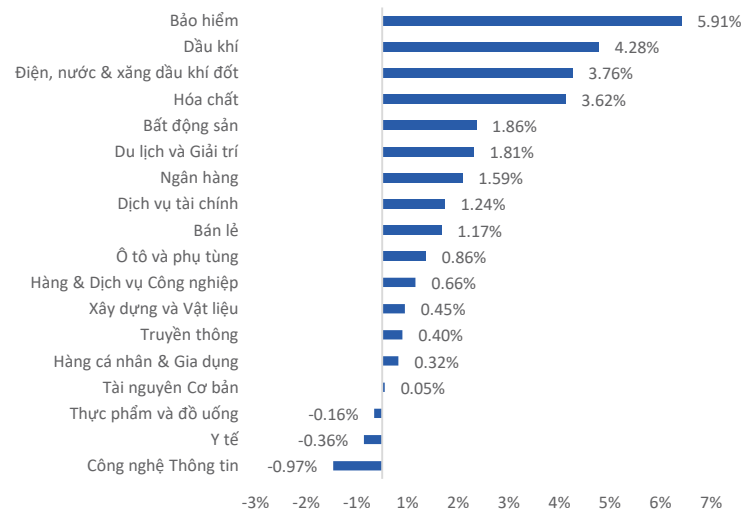
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
GVR	27.55	6.99%	1.69	4.07
PC1	24.50	6.99%	0.15	27.40
BVH	61.30	6.98%	0.70	0.92
GAS	82.80	6.98%	3.06	4.76
LIX	36.15	6.95%	0.04	0.06

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSV	119.40	9.94%	9.84	0.04
SDU	18.80	9.94%	0.15	0.00
TET	36.60	9.91%	0.09	0.00
VCC	10.00	9.89%	0.10	0.00
MKV	16.80	9.80%	0.03	0.02

Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2



Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
STB	56.70	-2.07%	-0.47	1.89
FPT	94.00	-1.05%	-0.36	1.70
MCH	220.00	-0.54%	-0.27	1.06
HVN	24.60	-1.20%	-0.20	3.11
DGC	63.00	-3.82%	-0.20	0.38

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
SHS	18.80	-3.09%	-0.30	0.90
CEO	20.00	-4.31%	-0.28	0.57
PTI	30.00	-3.23%	-0.07	0.12
NFC	56.50	-7.07%	-0.04	0.02
DNP	19.80	-1.98%	-0.03	0.14

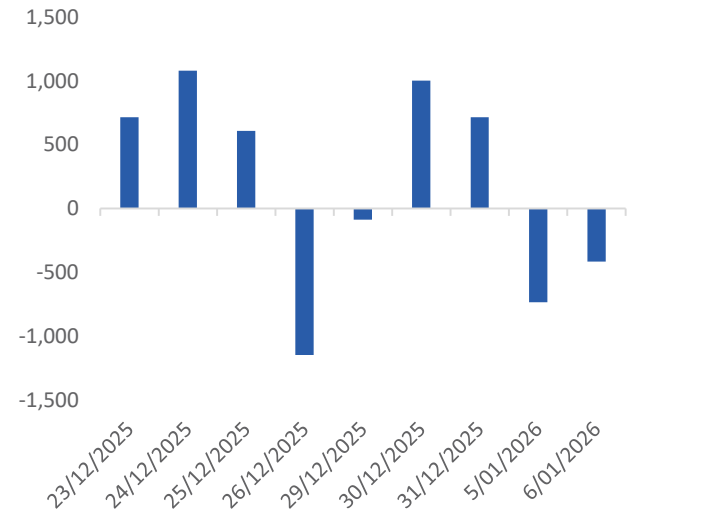
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
NNC	61.40	-6.97%	-0.02	0.11
VTB	18.70	-6.97%	0.00	0.03
TNC	30.35	-6.90%	-0.01	0.00
VDP	54.00	-6.90%	-0.02	0.00
HID	5.45	-6.84%	-0.01	1.65

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VDL	8.20	-9.89%	-0.05	0.00
PGT	6.80	-9.33%	-0.02	0.00
UNI	8.10	-8.99%	-0.13	0.00
HEV	7.40	-7.50%	-0.01	0.00
NFC	56.50	-7.07%	-0.26	0.00

Hình 2
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

DANH MỤC BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
MWG	Bán lẻ	88.8	1.6%	1.2	128,343	562.3	3,957	22.1	106,000	47.3%	Link
KBC	Bất động sản	35.0	0.7%	1.5	32,679	118.9	1,872	18.5	46,000	10.4%	Link
KDH	Bất động sản	31.9	-0.2%	1.1	35,799	146.9	857	37.2	39,900	28.4%	Link
PDR	Bất động sản	18.7	-0.3%	1.5	18,659	216.1	211	88.7	28,200	8.4%	Link
VHM	Bất động sản	141.8	6.9%	1.6	544,643	1201.7	6,133	21.6	119,600	8.8%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	94.0	-1.1%	0.7	161,833	526.6	5,280	18.0	118,700	39.1%	Link
BSR	Dầu khí	16.8	3.4%	0.0	81,369	344.8	413		23,200	0.9%	Link
PVS	Dầu khí	35.8	0.9%	1.3	18,155	321.0	2,841	12.5	42,800	14.1%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	21.8	0.0%	1.2	23,489	157.8	1,333	16.3		34.0%	
SSI	Dịch vụ tài chính	29.7	1.7%	1.3	72,615	703.8	1,851	15.8		33.0%	
VCI	Dịch vụ tài chính	34.0	0.2%	1.2	28,861	261.1	1,573	21.6		17.3%	
DCM	Hóa chất	33.4	0.2%	1.0	17,655	39.8	3,578	9.3	47,300	3.7%	Link
DGC	Hóa chất	63.0	-3.8%	0.7	24,875	349.7	8,296	7.9	109,300	6.3%	Link
ACB	Ngân hàng	24.0	0.0%	0.8	123,280	305.5	3,385	7.1	28,400	28.6%	Link
BID	Ngân hàng	38.9	1.2%	0.8	269,971	186.0	3,781	10.2	49,500	17.1%	Link
CTG	Ngân hàng	36.2	2.0%	1.0	275,727	535.9	4,292	8.3	53,500	25.7%	Link
HDB	Ngân hàng	29.1	0.4%	1.3	144,903	512.0	3,015	9.6	34,400	23.4%	Link
MBB	Ngân hàng	26.7	5.1%	1.1	204,194	1886.8	3,017	8.4	29,300	21.3%	Link
MSB	Ngân hàng	12.4	0.8%	1.0	38,376	179.5	1,729	7.1	14,000	29.3%	Link
STB	Ngân hàng	56.7	-2.1%	1.0	109,154	729.6	6,519	8.9		15.2%	
TCB	Ngân hàng	36.0	3.0%	1.2	247,664	899.9	3,111	11.2	41,100	22.5%	Link
TPB	Ngân hàng	17.1	2.7%	1.1	46,049	168.1	2,358	7.0	-	24.9%	Link
VCB	Ngân hàng	57.3	0.4%	0.6	477,109	241.3	4,202	13.6	73,200	21.1%	Link
VIB	Ngân hàng	17.8	0.3%	0.9	60,251	95.6	2,225	8.0	23,000	5.0%	Link
VPB	Ngân hàng	28.9	3.4%	1.4	221,356	1029.1	2,603	10.7	35,650	24.6%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	26.0	0.0%	0.9	199,178	1306.1	1,876	13.8	33,170	19.9%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	15.4	-0.3%	1.2	9,594	32.9	1,178	13.1	19,800	4.6%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	26.7	0.8%	0.9	10,199	112.8	4,150	6.4	28,800	1.9%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	77.0	0.3%	1.1	111,046	288.4	2,196	35.0	98,300	22.7%	Link
VNM	Thực phẩm và đồ uống	60.8	0.8%	0.6	126,024	180.0	4,160	14.5	64,500	50.7%	Link

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	42.2	1.20%	1.1	9,223	59.9	2,409	17.3	21.8%	17.1%	Link
FRT	Bán lẻ	152.4	-0.46%	1.1	26,073	32.0	3,620	42.3	32.5%	24.8%	Link
BVH	Bảo hiểm	61.3	6.98%	0.9	42,535	56.1	3,578	16.0	26.8%	11.3%	
DIG	Bất động sản	17.0	-1.73%	1.2	13,778	144.4	519	33.3	3.2%	4.4%	
DXG	Bất động sản	16.7	-2.06%	1.4	18,911	159.1	398	42.7	25.8%	3.2%	Link
HDC	Bất động sản	21.8	-2.25%	1.2	4,445	76.2	2,445	9.1	2.6%	25.2%	
HDG	Bất động sản	26.0	-0.38%	1.3	9,656	94.6	938	27.8	20.4%	5.5%	Link
IDC	Bất động sản	36.5	1.39%	1.2	13,662	222.6	4,849	7.4	11.4%	31.5%	Link
NLG	Bất động sản	30.5	-1.77%	1.0	15,062	46.3	2,194	14.2	44.1%	8.8%	Link
SIP	Bất động sản	52.4	0.77%	1.0	12,590	16.2	5,474	9.5	3.1%	28.2%	
SZC	Bất động sản	29.6	1.72%	1.2	5,238	20.9	1,763	16.5	2.5%	10.1%	Link
TCH	Bất động sản	17.3	-3.63%	1.3	16,327	145.1	801	22.4	12.1%	5.7%	Link
VIC	Bất động sản	173.1	0.00%	1.0	1,333,914	1342.9	1,147	150.9	3.0%	6.2%	Link
VRE	Bất động sản	38.1	6.88%	1.8	80,895	793.5	2,144	16.6	13.8%	11.1%	Link
CMG	Công nghệ Thông tin	35.0	0.29%	0.8	7,379	12.4	1,848	18.9	38.3%	13.2%	Link
PLX	Dầu khí	38.8	6.75%	0.8	46,122	507.3	2,090	17.4	14.7%	10.3%	Link
PVD	Dầu khí	29.6	1.72%	1.2	16,176	282.2	1,602	18.2	10.9%	5.5%	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	32.2	1.26%	1.0	11,019	42.8	1,262	25.2	24.9%	10.1%	
MBS	Dịch vụ tài chính	25.7	2.39%	1.6	16,533	107.3	1,657	15.1	3.0%	13.9%	
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	82.8	6.98%	0.8	186,762	387.2	5,014	15.4	2.1%	18.9%	Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	12.8	0.79%	0.9	38,808	212.0	678	18.7	4.9%	5.8%	Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	61.2	0.66%	0.6	32,933	23.3	4,776	12.7	49.0%	13.2%	Link
VJC	Du lịch và Giải trí	212.2	2.27%	0.9	122,759	446.2	2,897	71.6	7.5%	7.8%	
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	42.0	2.44%	1.5	36,998	313.8	2,313	17.7	8.7%	14.1%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	60.4	-0.33%	1.0	25,846	43.2	3,495	17.3	41.5%	11.2%	Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	57.8	0.00%	0.7	9,760	33.5	6,185	9.3	7.0%	31.0%	Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	19.2	2.13%	0.9	8,835	142.2	2,090	9.0	9.8%	12.2%	Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	95.6	-0.93%	0.0	11,752	46.0	3,139	30.7	4.6%	23.0%	
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	98.7	0.20%	0.7	33,603	77.1	6,911	14.3	49.0%	20.0%	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	26.2	0.20%	0.8	2,980	40.4	2,535	10.5	48.5%	12.3%	
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	18.4	3.37%	1.2	2,291	16.6	2,857	6.2	16.0%	18.7%	Link
DPM	Hóa chất	22.9	1.56%	1.0	15,298	103.0	1,212	18.6	3.6%	7.4%	Link
GVR	Hóa chất	27.6	6.99%	1.6	103,000	110.9	1,569	16.4	0.4%	11.3%	
EIB	Ngân hàng	21.2	1.19%	1.1	39,024	866.7	1,635	12.8	2.9%	11.8%	Link
LPB	Ngân hàng	41.7	2.96%	0.8	120,985	181.2	3,469	11.7	0.9%	23.9%	Link
NAB	Ngân hàng	14.2	0.00%	0.0	24,363	17.9	2,337	6.1	1.6%	19.3%	Link
OCB	Ngân hàng	11.9	0.85%	0.9	31,291	17.5	1,460	8.1	19.6%	12.0%	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	14.5	-0.69%	1.2	6,512	52.1	571	25.5	5.1%	3.2%	Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	25.4	0.20%	1.1	6,750	23.0	2,829	9.0	4.2%	24.1%	Link
BAF	Thực phẩm và đồ uống	37.1	0.54%	0.6	11,218	92.6	1,715	21.5	3.5%	12.8%	
SAB	Thực phẩm và đồ uống	47.6	-1.14%	0.5	61,691	92.7	3,373	14.3	58.6%	18.9%	
VHC	Thực phẩm và đồ uống	55.7	0.36%	0.8	12,457	20.0	6,944	8.0	19.3%	17.0%	Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	173.5	-0.57%	0.1	14,285	22.1	14,639	11.9	85.2%	41.2%	Link
CTD	Xây dựng và Vật liệu	74.0	-0.80%	0.9	7,945	32.8	6,245	12.0	49.0%	7.4%	Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	85.0	2.04%	0.8	9,528	23.8	5,128	16.2	4.9%	29.3%	Link
DPG	Xây dựng và Vật liệu	36.6	-2.27%	0.9	3,775	24.6	3,037	12.3	5.5%	15.0%	Link
HHV	Xây dựng và Vật liệu	12.5	0.00%	1.2	6,840	76.1	1,102	11.3	10.4%	5.2%	Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	24.5	6.99%	1.2	9,418	627.6	1,377	16.6	12.7%	10.0%	Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	22.2	0.00%	1.0	14,319	103.8	6,148	3.6	4.4%	44.3%	
VGC	Xây dựng và Vật liệu	42.0	1.20%	1.1	18,607	40.8	3,090	13.4	2.5%	15.8%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC Navigator T12.2025: Việt Nam trong chuỗi giá trị AI Hoa Kỳ	x		Click
2	BSC Navigator T11.2025: Quy hoạch Việt Nam giai đoạn 2026 - 2030	x		Click
3	BSC Navigator T10.2025: TTCK Việt Nam chính thức được nâng hạng - Dòng tiền khối ngoại tại châu Á	x		Click
4	BSC Insight Nâng hạng Thị trường Chứng khoán Việt Nam - Cận kề đích đến (Kỳ 3)	x		Click
5	BSC Navigator T09.2025: Nhìn lại các chu kỳ tăng trưởng của thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
6	BSC Navigator T08.2025: Dòng vốn đầu tư trực tiếp / gián tiếp từ Trung Quốc sang Việt Nam	x		Click
7	Equity 360 Báo cáo ngành Q3.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click
8	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 07/2025_Thuế quan – Các thông tin mới nhất từ Hoa Kỳ	x		Click
9	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 06/2025_Đòn bẩy nội lực - Chiến lược tăng trưởng trong thời kỳ mới	x		Click
10	BSC_ Báo cáo ngành Q2.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click
11	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 05/2025_Phát triển kinh tế tư nhân, nội lực tăng trưởng mới	x		Click
12	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 04/2025_Cập nhật diễn biến cuộc chiến thuế quan 2025	x		Click
13	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
14	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_Thương chiến 2.0	x		Click
15	Triển vọng VMTT 2025_Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
16	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
17	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
18	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 12/2024	x		Click
19	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
20	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
21	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
22	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
23	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
24	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
25	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
26	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2025 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long
Giám đốc Trung tâm Phân tích - Nghiên cứu
Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Ngành – Doanh nghiệp
Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh
Chuyên viên phân tích
Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng
Chuyên viên phân tích
Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
Chuyên viên phân tích
Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh
Chuyên viên phân tích
Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc
Chuyên viên phân tích
Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính
Tầng 8 & 9 LPB Tower
210 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, TP Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Sài Gòn, TP. HCM
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng tổ chức
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng cá nhân
i-center@bsc.com.vn
Khu vực miền Bắc: (024) 39264 660
Khu vực miền Nam: (028) 38218 889

Website: <http://www.bsc.com.vn>